

Số: 20 / CBTT- TNBD



Hải Phòng, ngày 22 tháng 06 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ VIỆC THÀNH LẬP  
PHÒNG THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**

CHI CỤC GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG

Kính gửi:

**ĐẾN**

Số: 6928 - Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng.

Ngày: 25/6/26

**Chuyển:**

Số và ký hiệu HS:

Chủ đầu tư; Ban quản lý dự án; Tư vấn thiết kế; Tư vấn giám sát;  
Nhà thầu thi công; Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

**1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:**

- Công ty cổ phần thí nghiệm khảo sát và Xây dựng Bạch Đăng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp : 0201734963 ngày 17 tháng 01 năm 2025 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp thay đổi lần 3.
- Địa chỉ: Số 268, Trần Nguyên Hãn, phường An Biên, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 0225.3856433
- Email: [bachdangtsc@gmail.com](mailto:bachdangtsc@gmail.com) Website: <https://bachdangtsc.com.vn>
- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng. Mã số phòng thí nghiệm đã được cấp: LAS-XD 09 đã được Bộ Xây dựng cấp GCN số 148/GCN-BXD ngày 21 tháng 07 năm 2021.
- Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 268 Trần Nguyên Hãn, Phường An Biên, Thành phố Hải Phòng.

**2. Thông tin về phòng thí nghiệm hiện trường được thành lập :**

- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm hiện trường LAS - XD09
- Địa điểm đặt phòng thí nghiệm: Số 235 Đặng Cương, phường An Dương, thành phố Hải Phòng.
- Hoạt động: Phục vụ 2 dự án:
  - + Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ – Hưng Đạo – Bù viện.  
Hạng mục : Xây dựng mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ.
  - + Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Nomura – Hải Phòng (giai đoạn 2)
- Thời gian hoạt động: Từ ngày: ..... / ..... / 2026. Đến ngày: ..... / ..... / 20.....

3. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm tại phòng thí nghiệm hiện trường:

| TT        | Tên chỉ tiêu thí nghiệm                     | Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm                                                                                                 | Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm                                                                                                                       | Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm                                                                                                                                               |
|-----------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1)       | (2)                                         | (3)                                                                                                                                                  | (4)                                                                                                                                                                      | (5)                                                                                                                                                                                            |
| <b>I</b>  | <b>HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>      |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                |
| 1         | Xác định cường độ nén của bê tông           | TCVN 3118 :2022;<br>ASTM C39, C42;<br>AASHTO T22, T24, T140;<br>BS EN 12390-3;<br>BS EN 12504-1;<br>GOST 10180:12;<br>JIS A1107, A1108,<br>AS 1012.9 | Máy nén 2000kN;                                                                                                                                                          | Nguyễn Thị Thúy<br>Nguyễn Văn Nam<br>Nguyễn Xuân Trường<br>Lê Bá Thành<br>Phạm Trung Quân<br>Khúc Văn Nhân<br>Lương Văn Quang<br>Đoàn Tiến Hùng<br>Vũ Đức Trọng<br>Hà Văn Thái<br>Trần Thị Hòa |
| 2         | Xác định cường độ chịu kéo khi uốn          | TCVN 3119:2022;<br>ASTM C78, C293;<br>AASHTO T97, T126, T177;<br>BS EN 12390-5;<br>GOST 10180:12;<br>JIS A1106, A1114                                | Máy nén 2000kN; gá uốn mẫu                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                |
| <b>II</b> | <b>VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DẪM (SỎI), CẤP PHỐI</b> |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                |
| 3         | Xác định thành phần hạt, Mô đun độ lớn      | TCVN 7572-2:2006;<br>TCVN 14135-5:2024;<br>AASHTO T27;<br>ASTM C136;<br>BS1881;<br>BS EN 933-1;<br>GOST 8735-88,<br>8269.0-97; JIS A1102             | - Cân kỹ thuật độ chính xác 1%<br>- Bộ sàng tiêu chuẩn<br>- Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105 <sup>0</sup> C đến 110 <sup>0</sup> C. | Nguyễn Thị Thúy<br>Nguyễn Văn Nam<br>Nguyễn Xuân Trường<br>Lê Bá Thành<br>Phạm Trung Quân<br>Khúc Văn Nhân<br>Lương Văn Quang<br>Đoàn Tiến Hùng<br>Vũ Đức Trọng<br>Hà Văn Thái<br>Trần Thị Hòa |
| 4         | Xác định độ ẩm                              | TCVN 7572-7: 2006;<br>TCVN 10321:2014;<br>ASTM C70, C566;<br>AASHTO T142, T255;<br>BS EN 1097-5;<br>GOST 8269.0-97;<br>JIS A1125                     | - Cân kỹ thuật, có độ chính xác 1%;<br>- Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105 °C đến 110 °C                                                          |                                                                                                                                                                                                |



| TT  | Tên chỉ tiêu thí nghiệm                                                                                                                                                         | Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm                                                             | Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm                                                                                                                                                                                                                                                  | Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm                                                                                                                                               |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5   |  <p>Xác định hàm lượng bụi, bùn sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ</p> | TCVN 7572-8:2006;<br>TCVN 344:1986;<br>ASTM C142, C117;<br>AASHTO T112, T71;<br>EN 933-1; JIS A1103              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 0,1 % và cân kỹ thuật có độ chính xác 1%;</li> <li>- Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105 °C đến 110 °C;</li> <li>- Thùng rửa cốt liệu ;</li> <li>- Tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng sạch;</li> </ul> | Nguyễn Thị Thúy<br>Nguyễn Văn Nam<br>Nguyễn Xuân Trường<br>Lê Bá Thành<br>Phạm Trung Quân<br>Khúc Văn Nhân<br>Lương Văn Quang<br>Đoàn Tiến Hùng<br>Vũ Đức Trọng<br>Hà Văn Thái<br>Trần Thị Hòa |
| 6   | Xác định tạp chất hữu cơ                                                                                                                                                        | TCVN 7572-9:2006;<br>ASTM C40;<br>AASHTO T21;<br>GOST 8735-88;<br>GOST 8269.0-97;<br>JIS A1105                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh, dung tích 250 ml;</li> <li>- Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1 %;</li> <li>- Thang màu để so sánh;</li> <li>- Thuốc thử: NaOH dung dịch 3 %; tanin dung dịch 2 %; rượu êtylic dung dịch 1 %.</li> </ul>              |                                                                                                                                                                                                |
| 7   | Hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn                                                                                                                                           | TCVN 7572-13:2006;<br>ASTM C88;<br>ASTM D4791;<br>AASHTO T335;<br>BS EN 933-3;<br>BS EN 933-4;<br>GOST 8269.0-97 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân kỹ thuật độ chính xác tới 1%;</li> <li>- Thước kẹp cải tiến;</li> <li>- Bộ sàng tiêu chuẩn</li> <li>- Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C</li> </ul>                                                                  |                                                                                                                                                                                                |
| 8   | Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 75 $\mu$ m                                                                                                                                       | TCVN 9205:2012;<br>TCVN 11969:2018;<br>TCVN 14135-4:2024;<br>ASTM C117; ASTM D1140; AASHTO T11; JIS A1103        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân kỹ thuật độ chính xác đến 0,1g</li> <li>- Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ.</li> <li>- Bộ sàng tiêu chuẩn</li> </ul>                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                |
| III | <b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG</b>                                                                                                                                     |                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                |
| 9   | Lấy mẫu, chuẩn bị mẫu                                                                                                                                                           | TCVN 2683:2012;<br>TCVN 14134-1:2024;<br>14134-2:2024;<br>GB/T 50123-2019                                        | Tủ sấy, ca xúc mẫu, búa cao su, khay đựng...                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                |

| TT | Tên chỉ tiêu thí nghiệm              | Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm                                                                                                          | Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm                                                                                                                                                                                                                 | Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm                                                                                                                                               |
|----|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10 | Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng) | TCVN 4195:2012;<br>ASTM D854;<br>ASTM D5550;<br>AASHTO T100;<br>BS 1377;<br>GB/T 50123-2019                                                                   | - Bom chân không (có cả bình hút chân không),<br>- Cân kỹ thuật (0,01g),<br>- Bình tỷ trọng (100cm <sup>3</sup> ),<br>- Cối chày sứ (đồng),<br>- Sàng 2mm,<br>- Bếp cát,<br>- Tủ sấy,<br>- Tỷ trọng kế,<br>- Thiết bị ổn nhiệt,<br>- Cốc nhỏ hộp nhôm có nắp       | Nguyễn Thị Thúy<br>Nguyễn Văn Nam<br>Nguyễn Xuân Trường<br>Lê Bá Thành<br>Phạm Trung Quân<br>Khúc Văn Nhân<br>Lương Văn Quang<br>Đoàn Tiến Hùng<br>Vũ Đức Trọng<br>Hà Văn Thái<br>Trần Thị Hòa |
| 11 | Xác định độ ẩm, độ hút ẩm            | TCVN 4196:2012;<br>ASTM D2974,<br>D2216, D4959,<br>D4643;<br>AASHTO T265,<br>T217; BS 1377;<br>GB/T 50123-2019;<br>AS 1289-2.1.1&4                            | - Tủ sấy,<br>- Cân kỹ thuật (0,01g),<br>- Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp),<br>- Bình hút ẩm có clorua canxi,<br>- Sàng (1mm),<br>- Cối và chày sứ có đầu bọc cao su,<br>- Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp),                                                         |                                                                                                                                                                                                |
| 12 | Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy | TCVN 4197:2012;<br>TCVN 14134-4:2024;<br>ASTM D4318, D2216;<br>AASHTO T89, T90;<br>BS 1377;<br>GB/T 50123-2019;<br>AS 1289-3.2.1&3.1.1                        | - Các tấm kính nhám,<br>- Sàng (1mm),<br>- Cối và chày sứ có đầu bọc cao su,<br>- Cân kỹ thuật (0,01g),<br>- Hộp nhôm có nắp,<br>- Tủ sấy,<br>- Dao để trộn<br>- Dụng cụ Casagrande<br>- Quả dọi                                                                   |                                                                                                                                                                                                |
| 13 | Xác định thành phần cỡ hạt           | TCVN 4198:2014;<br>TCVN 14134-3:2024;<br>AASHTO T27, T88;<br>ASTM C136; ASTM D421, D422, D1140,<br>D2216; BS 1377;<br>GB/T 50123-2019;<br>AS 1289-3.6.1&6.3.2 | - Cân kỹ thuật (0,01g),<br>- Bộ sàng tiêu chuẩn,<br>- Cối và chày sứ có đầu bọc cao su,<br>- Tủ sấy,<br>- Quả lê bằng cao su,<br>- Cân phân tích,<br>- Tỷ trọng kế; Nhiệt kế (0,5 <sup>0</sup> C),<br>- Bình định mức các loại,<br>Que khuấy<br>- Hóa chất theo TC |                                                                                                                                                                                                |



| TT | Tên chỉ tiêu thí nghiệm                | Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm                                                                                                                         | Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm                                                                                                                                               |
|----|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 14 | Xác định khối lượng thể tích           | TCVN 4202:2012;<br>TCVN 8729:2012;<br>BS 1377-2;<br>ASTM D2167,<br>D2937, D4718,<br>D4914, D7263;<br>GB/T 50123-2019                                                         | - Dao vòng bằng kim loại<br>- Thước kẹp,<br>- Dao cắt có lưỡi thẳng,<br>- Cân kỹ thuật (0,01 và 0,1g),<br>- Các tấm kính,<br>- Hộp nhôm hoặc cốc thủy tinh có nắp,<br>- Tủ sấy                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Nguyễn Thị Thúy<br>Nguyễn Văn Nam<br>Nguyễn Xuân Trường<br>Lê Bá Thành<br>Phạm Trung Quân<br>Khúc Văn Nhân<br>Lương Văn Quang<br>Đoàn Tiến Hùng<br>Vũ Đức Trọng<br>Hà Văn Thái<br>Trần Thị Hòa |
| 15 | Xác định hàm lượng hữu cơ              | TCVN 8726:2012;<br>ASTM D2974;<br>AASHTO T267;<br>BS 1377-3;<br>AASHTO T194;<br>GB/T 50123-2019                                                                              | - Tủ sấy;<br>- Các cân phân tích có độ chính xác 0,001 g hoặc 0,0001 g;<br>- Cối và chày bằng sứ hoặc thủy tinh, đầu chày bọc cao su;<br>- Các sàng thí nghiệm lỗ 2 mm; 0,25 mm;<br>- Các ống đong bằng thủy tinh;<br>- Ống hút (pipet) chia vạch chính xác đến 0,1 ml;<br>- Ống chuẩn độ (buret) các loại dung tích 10; 25 ml, chia vạch chính xác đến 0,1 ml.<br>- Bình tam giác;<br>- Giấy lọc định tính; Bếp đun;<br>- Các dụng cụ thí nghiệm thường dùng khác. |                                                                                                                                                                                                |
| 16 | Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời | TCVN 8724: 2012                                                                                                                                                              | Bàn đế thép, Mâm tròn thép, Cọc thép, Thùng chứa nước, Sàng lỗ 2 mm và 5 mm, khay, chày gỗ, cối và chày sứ đầu bọc cao su, nước sạch đã khử khoáng, muối xúc đất, êke...                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                |
| 17 | Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn    | TCVN 4201:2012;<br>TCVN 12790:2020;<br>22TCN 333:2006;<br>AASHTO T99; T180;<br>BS 1377;<br>ASTM D1557, D698, D558;<br>GB/T 50123-2019;<br>AS 1289-5.1.1&5.2.1;<br>GOST 22733 | - Cối đầm nện và cần dẫn búa bằng kim loại,<br>- Cân kỹ thuật (0,01g; 0,1g),<br>- Sàng (19 mm, 5mm),<br>- Bình phun nước,<br>- Tủ sấy<br>- Hộp nhôm (cốc thủy tinh có nắp),<br>- Vải phủ, cối sứ, chày bọc cao su                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                |

| TT | Tên chỉ tiêu thí nghiệm                                           | Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm                                                         | Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm                                                                                                                                                                                                                                                                  | Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm                                                                                                                                               |
|----|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 18 | Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)                             | TCVN 12792:2020;<br>TCN 332:2006;<br>ASTM D1883,<br>D4429;<br>AASHTO T193;<br>BS 1377-4;<br>GB/T 50123-2019  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy nén CBR,</li> <li>- Cối đầm loại to (D=152,4 mm),</li> <li>- Chày đầm tiêu chuẩn,</li> <li>- Chày đầm cải tiến,</li> <li>- Cối CBR,</li> <li>- Tấm đệm,</li> <li>- Tấm đo - Trương nở,</li> <li>- Đồng hồ đo trương nở,</li> <li>- Giá đỡ thiên phân kế,</li> </ul>    |                                                                                                                                                                                                |
| IV | <b>BÊ TÔNG NHỰA</b>                                               |                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                |
| 19 | Xác định thành phần hạt                                           | TCVN 8860-3:2011;<br>BS EN12697-2;<br>AASHTO T172;<br>ASTM D2172                                             | Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật (0,1%), tủ sấy.                                                                                                                                                                                                                                                                    | Nguyễn Thị Thúy<br>Nguyễn Văn Nam<br>Nguyễn Xuân Trường<br>Lê Bá Thành<br>Phạm Trung Quân<br>Khúc Văn Nhân<br>Lương Văn Quang<br>Đoàn Tiến Hùng<br>Vũ Đức Trọng<br>Hà Văn Thái<br>Trần Thị Hòa |
| V  | <b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>                                 |                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                |
| 20 | Xác định độ chặt của đất bằng phương pháp dao đài                 | 22TCN 02-71; TCVN 8728, 8729, 8730:2012; TCVN 8305:2009; TCVN 12791:2020; ASTM D2937; AASHTO T204; BS 1377-9 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dao đài tròn bằng thép hay đồng (dung tích 100-200cm<sup>3</sup>),</li> <li>- Búa đóng loại 0,5kg,</li> <li>- Cân kỹ thuật</li> <li>- Khay nhôm,</li> <li>- Chảo sấy hoặc cùn đốt 90° trở lên,</li> </ul>                                                                  | Nguyễn Thị Thúy<br>Nguyễn Văn Nam<br>Nguyễn Xuân Trường<br>Lê Bá Thành<br>Phạm Trung Quân<br>Khúc Văn Nhân<br>Lương Văn Quang<br>Đoàn Tiến Hùng<br>Vũ Đức Trọng<br>Hà Văn Thái<br>Trần Thị Hòa |
| 21 | Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát | 22TCN 346:2006; TCVN 8729, 8730:2012; ASTM D2937, D4914, D1556; AASHTO T191; BS 1377-9                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phễu rót cát: (bình chứa cát, phễu, để định vị).</li> <li>- Cát chuẩn</li> <li>- Cân 15kg chính xác 1,0g.</li> <li>- Cân chính xác 0,01g, Cồn CN</li> <li>- Bộ sàng tiêu chuẩn</li> <li>- Các dụng cụ khác (dao, đục, thìa, xô có nắp, hộp đựng mẫu, chổi lông)</li> </ul> | Nguyễn Thị Thúy<br>Nguyễn Văn Nam<br>Nguyễn Xuân Trường<br>Lê Bá Thành<br>Phạm Trung Quân<br>Khúc Văn Nhân<br>Lương Văn Quang<br>Đoàn Tiến Hùng<br>Vũ Đức Trọng<br>Hà Văn Thái<br>Trần Thị Hòa |



| TT | Tên chỉ tiêu thí nghiệm                                                             | Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm                                                                           | Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm                                                                                                           | Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm                                                                                                                                               |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 22 | Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp hố đào, dùng nước thể chỗ | TCVN 8729:2012;<br>TCVN 8730:2012; BS 1377-9; ASTM D5030                                                                       | - Vòng chấn bằng thép, thước nivo, TB chỉ báo<br>- Cân 15kg chính xác 1,0g.<br>- Cân 100kg chính xác 100,0g.<br>- Bơm hút nước...                            | Nguyễn Thị Thúy<br>Nguyễn Văn Nam<br>Nguyễn Xuân Trường<br>Lê Bá Thành<br>Phạm Trung Quân<br>Khúc Văn Nhân<br>Lương Văn Quang<br>Đoàn Tiến Hùng<br>Vũ Đức Trọng<br>Hà Văn Thái<br>Trần Thị Hòa |
| 23 | Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng                               | TCVN 8861:2011;<br>ASTM D4767;<br>AASHTO T221;<br>AASHTO T235;<br>AASHTO T256;<br>ASTM D4695; ASTM D1194; ASTM D1195/M; D1196; | - Tấm ép cứng chuyên dùng,<br>- Kích thủy lực có gắn đồng hồ đo lực, thiên phân kế.<br>- Cần Benkenman                                                       |                                                                                                                                                                                                |
| 24 | Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman                    | TCVN 8867:11;<br>AASHTO T256;<br>ASTM D4729; ASTM D4685; ASTM D4695                                                            | - Cần Benkenman<br>- Xe đo (xe tải- trục đơn bánh kép khe hở giữa 2 bánh đôi 5cm-trọng lượng trục 10.000daN).                                                |                                                                                                                                                                                                |
| 25 | Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát                                 | TCVN 8866:2011;<br>ASTM E965-19; BS EN 13036-1:2010                                                                            | - Cát chuẩn<br>- Ống đồng cát<br>- Bàn xoa cát hình tròn<br>- Bàn chải sắt và bàn chải lông mềm<br>- Thước dài khắc vạch 500mm<br>- Cân có độ chính xác 0,1g |                                                                                                                                                                                                |
| 26 | Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m                                           | TCVN 8864:11;<br>ASTM E1703; EN 13036-7                                                                                        | Thước phẳng 3m, calíp đo chênh cao                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                |
| 27 | Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu                                   | TCXDVN 239:2006;<br>TCVN 12252:2020;<br>ASTM C42/C42M;;<br>GOST 28570-2019                                                     | - Máy khoan, cắt<br>- Máy nén thủy lực<br>- Thước kẹp                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                |

Công ty cổ phần thí nghiệm khảo sát và xây dựng Bạch Đằng chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÍ NGHIỆM  
KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

*KS. Bùi Tiến Bình*